

Số: /QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

**BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

*Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này thay thế các thủ tục hành chính tương ứng đã công bố tại các Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 28/12/2022, Quyết định số 1647/QĐ-BVHTTDL ngày 26/6/2023, Quyết định số 1998/QĐ-BVHTTDL ngày 22/7/2024, Quyết định số 2023/QĐ-BVHTTDL ngày 24/7/2024; Quyết định số 682/QĐ-BVHTTDL ngày 14/3/2025; Quyết định số 4508/QĐ-BVHTTDL ngày 28/11/2025.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các Cục, Vụ và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để cáo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- UBND các tỉnh/TP trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Trung tâm CDS VHTTDL (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP (HC), Tài.100.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Tạ Quang Đông**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG,  
BỊ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2025  
của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

**PHẦN I.  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục TTHC mới ban hành**

| TT        | Tên TTHC                                                                                                                                                        | Tên VBQPPL quy định                            | Lĩnh vực    | Cơ quan thực hiện             |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------|-------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG</b>                                                                                                                        |                                                |             |                               |
| <b>A1</b> | <b>LĨNH VỰC DU LỊCH</b>                                                                                                                                         |                                                |             |                               |
| 1.        | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành, giải thể hoặc phá sản | Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 | Du lịch     | Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam |
| <b>B1</b> | <b>LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ</b>                                                                                                     |                                                |             |                               |
| 2.        | Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình                                                                        | Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 | PTTH & TTĐT | Cục PTTH & TTĐT               |
| <b>II</b> | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>                                                                                                                              |                                                |             |                               |
| <b>A2</b> | <b>LĨNH VỰC DU LỊCH</b>                                                                                                                                         |                                                |             |                               |
| 3.        | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành, giải thể hoặc phá sản | Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 | Du lịch     | Sở VH TTDL/ Sở Du lịch        |

**2. Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung**

| TT        | Mã số TTHC                               | Tên TTHC                                                               | Tên VBQPPL quy định                            | Lĩnh vực  | Cơ quan thực hiện                       |
|-----------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG</b> |                                                                        |                                                |           |                                         |
| <b>A1</b> | <b>LĨNH VỰC QUẢNG CÁO</b>                |                                                                        |                                                |           |                                         |
| 1.        | 1.004671                                 | Thủ tục thẩm định sản phẩm quảng cáo theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân | Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 | Quảng cáo | Cục Văn hóa cơ sở, Gia đình và Thư viện |

| TT | Mã số TTHC                                           | Tên TTHC                                                                                       | Tên VBQPPL quy định                            | Lĩnh vực          | Cơ quan thực hiện     |
|----|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------|-----------------------|
| B1 | LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ |                                                                                                |                                                |                   |                       |
| 2. | 1.004104                                             | Thủ tục công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình                                     | Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 | PTTH &TTĐT        | Cục PTTH &TTĐT        |
| 3. | 1.002790                                             | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình                    | Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 | PTTH &TTĐT        | Cục PTTH &TTĐT        |
| C1 | LĨNH VỰC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ                           |                                                                                                |                                                |                   |                       |
| 4. | 1.001682                                             | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả                                          | Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 | Bản quyền tác giả | Cục Bản quyền tác giả |
| 5. | 1.001661                                             | Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả                                          |                                                |                   | Cục Bản quyền tác giả |
| 6. | 2.000752                                             | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan                                        |                                                |                   | Cục Bản quyền tác giả |
| 7. | 1.001614                                             | Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan                                        |                                                |                   | Cục Bản quyền tác giả |
| II | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH                          |                                                                                                |                                                |                   |                       |
| A2 | LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO                            |                                                                                                |                                                |                   |                       |
| 1. | 1.001195                                             | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo   | Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 | Thể dục thể thao  | Sở VHTTDL/ Sở VHTT    |
| 2. | 1.000904                                             | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate      |                                                |                   | Sở VHTTDL/ Sở VHTT    |
| 3. | 1.000842                                             | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo        |                                                |                   | Sở VHTTDL/ Sở VHTT    |
| 4. | 2.002188                                             | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng |                                                |                   | Sở VHTTDL/ Sở VHTT    |

| TT  | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                                               | Tên VBQPPL quy định                            | Lĩnh vực         | Cơ quan thực hiện     |
|-----|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------|-----------------------|
| 5.  | 1.000560   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh           | Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 | Thể dục thể thao | Sở VHTTDL/<br>Sở VHTT |
| 6.  | 1.000485   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin               |                                                |                  | Sở VHTTDL/<br>Sở VHTT |
| 7.  | 1.005162   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu               |                                                |                  | Sở VHTTDL/<br>Sở VHTT |
| 8.  | 1.000953   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga                |                                                |                  | Sở VHTTDL/<br>Sở VHTT |
| 9.  | 1.000936   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf                |                                                |                  | Sở VHTTDL/<br>Sở VHTT |
| 10. | 1.000920   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông            |                                                |                  | Sở VHTTDL/<br>Sở VHTT |
| 11. | 1.000863   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker |                                                |                  | Sở VHTTDL/<br>Sở VHTT |
| 12. | 1.000847   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn            |                                                |                  | Sở VHTTDL/<br>Sở VHTT |
| 13. | 1.000814   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao   |                                                |                  | Sở VHTTDL/<br>Sở VHTT |
| 14. | 1.000644   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ     |                                                |                  | Sở VHTTDL/<br>Sở VHTT |

| TT  | Mã số TTHC       | Tên TTHC                                                                                                                 | Tên VBQPPL quy định                            | Lĩnh vực         | Cơ quan thực hiện     |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------|-----------------------|
| 15. | 1.005163         | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness           | Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 | Thể dục thể thao | Sở VHTTDL/ Sở VHTT    |
| 16. | 1.000594         | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí              |                                                |                  | Sở VHTTDL/ Sở VHTT    |
| 17. | 1.000518         | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá                               |                                                |                  | Sở VHTTDL/ Sở VHTT    |
| 18. | 1.000501         | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt                              |                                                |                  | Sở VHTTDL/ Sở VHTT    |
| 19. | 1.001500         | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném                              |                                                |                  | Sở VHTTDL/ Sở VHTT    |
| 20. | 1.001527         | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ                               |                                                |                  | Sở VHTTDL/ Sở VHTT    |
| B2  | LĨNH VỰC DU LỊCH |                                                                                                                          |                                                |                  |                       |
| 21. | 1.004605         | Thủ tục cấp giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế | Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 | Du lịch          | Sở VHTTDL/ Sở Du lịch |

### 3. Danh mục TTHC bị bãi bỏ

| TT       | Mã số TTHC                               | Tên TTHC                                                                                                                                 | Lĩnh vực | Quyết định công bố             |
|----------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------------------|
| <b>I</b> | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG</b> |                                                                                                                                          |          |                                |
| 1.       | 1.004581                                 | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành | Du lịch  | 1998/QĐ-BVHTTDL ngày 22/7/2024 |

| TT                                    | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Lĩnh vực    | Quyết định công bố              |
|---------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------|
| 2.                                    | 1.004577   | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế trong trường hợp doanh nghiệp giải thể                                                                                                                                                                                                   | Du lịch     | 1998/QĐ-BVHTTDL ngày 22/7/2024  |
| 3.                                    | 1.004574   | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế trong trường hợp doanh nghiệp phá sản                                                                                                                                                                                                    | Du lịch     | 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 28/12/2022 |
| 4.                                    | 1.004098   | Thay đổi tôn chỉ, mục đích hoạt động báo chí, tôn chỉ, mục đích kênh phát thanh, kênh truyền hình quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình                                                                                                                      | PTTH & TTĐT | 682/QĐ-BVHTTDL ngày 14/3/2025   |
| 5.                                    | 1.004093   | Thay đổi thời lượng phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất của kênh phát thanh, kênh truyền hình quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình                                                                                                               | PTTH & TTĐT | 682/QĐ-BVHTTDL ngày 14/3/2025   |
| 6.                                    | 1.004085   | Thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản báo chí; tên gọi cơ quan báo chí; tên gọi kênh phát thanh, kênh truyền hình; địa điểm phát sóng; địa điểm trụ sở gần với trung tâm tổng không chế; phương thức truyền dẫn, phát sóng quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình | PTTH & TTĐT | 682/QĐ-BVHTTDL ngày 14/3/2025   |
| 7.                                    | 1.004078   | Thay đổi biểu tượng kênh phát thanh, kênh truyền hình và những nội dung khác quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình                                                                                                                                           | PTTH & TTĐT | 682/QĐ-BVHTTDL ngày 14/3/2025   |
| <b>II THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b> |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |                                 |
| 8.                                    | 2.001611   | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành                                                                                                                                                              | Du lịch     | 1998/QĐ-BVHTTDL ngày 22/7/2024  |
| 9.                                    | 2.001589   | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể                                                                                                                                                                                                   | Du lịch     | 1998/QĐ-BVHTTDL ngày 22/7/2024  |
| 10.                                   | 1.003742   | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản                                                                                                                                                                                                    | Du lịch     | 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 28/12/2022 |